TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2019/HS-ST
Ngày 03-5-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Minh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Thành;

2. Ông Trần Quang Mẫn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 39/2019/HSST ngày 09 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 266/2019/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trương Văn T (còn có tên gọi khác là D ngọng) sinh ngày 20/11/1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Số CMND: 0790770090** do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 31/8/2018; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Hiện không nơi cư trú nhất định; Không nghề nghiệp; Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị A1; Bị cáo khai có vợ tên Nguyễn Thị Hồng A2 và có 02 người con lớn nhất 04 tuổi, nhỏ nhất 02 tuổi; Tiền án: 04; Ngày 24/12/2001, phạm tội "Cướp giật tài sản", đến ngày 20/6/2002 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù, chấp hành xong án phạt tù đến ngày 24/12/2005 được tha về; Ngày 14/6/2007, phạm tội "Cướp giật tài sản", đến ngày 28/11/2007 bị Tòa án nhân

dân Quận 1 xử phạt 04 năm tù, chấp hành xong án phạt tù đến ngày 14/3/2011 được tha về; Ngày 11/11/2011, phạm tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 27/02/2012 bị Tòa án nhân dân Quận 9 xử phạt 09 tháng tù, chấp hành xong án phạt tù đến ngày 11/8/2012 được tha về; Ngày 03/01/2014, phạm tội "Cướp giật tài sản", đến ngày 04/9/2014 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù, chấp hành xong án phạt tù đến ngày 31/5/2017 được tha về; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 18/4/1998, bị Tòa án nhân dân Quận 7 xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 06/02/1999, bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt 12 tháng tù, chấp hành xong án phạt tù đến ngày 29/8/1999 được tha về. Bị tạm giam từ ngày 29/12/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Thùy D, sinh năm 1988 tại Bạc Liêu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu; Không nghề nghiệp; Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Minh T1 (chết) và bà Hồ Thị H1; Có chồng tên Nguyễn Thanh H2, bị cáo khai có 02 người con, lớn nhất 09 tuổi, nhỏ nhất 07 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giam từ ngày 29/12/2018 cho đến nay, có mặt tại tòa.

- *Bị hại:* Anh Võ Hồng Đ5, sinh năm 1990; Địa chỉ: Nguyễn Thần Hiến, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1977; Địa chỉ: Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Lưu Văn T1, sinh năm 1973; Địa chỉ: Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Hồng A2, sinh năm 1983; Địa chỉ: Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trương Văn T và Phạm Thùy D là hàng xóm cùng ở trong khu trọ số Bến Vân Đồn, Phường 6, Quận 4. Vào khoảng 02 giờ ngày 29/12/2018, T điều khiển xe gắn máy biển số 52Z9-75** đi trên đường thì phát hiện xe gắn máy biển số 59T1-745.** dựng trước Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, Quận 1, phía sau có anh Võ Hồng Đ5 đang ngồi ngủ

gục nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. T liền điều khiển xe chạy về khu nhà trọ rủ D cùng đi lấy trộm xe, D đồng ý nên đã lên xe do T điều khiển đến trước Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, Quận 1. Sau đó, T dừng xe cách vị trí để xe gắn máy biển số 59T1-745.** khoảng 10m, D xuống xe đi bộ đến chỗ để xe gắn máy thấy xe không khóa cổ nên D dắt xe xuống lòng đường rồi lên xe ngồi, T điều khiển xe lại gần D và dùng chân phải đẩy xe gắn máy biển số 59T1-745.** hướng về chợ Bến Thành. Lúc này, các anh Đinh Đình H3, Nguyễn Trung V2, Lê Hữu M2, Nguyễn Văn L2, Huỳnh D2 (Trinh sát Công an Quận 1) chứng kiến toàn bộ sự việc nên đuổi theo T và D. Khi đến Giao lộ Đề Thám - Trần Hưng Đạo thì D bị anh D2, anh H3 bắt giữ và anh V2, M2, L2 truy đuổi T đến Giao lộ Cô Bắc – Nguyễn Thái Học thì bắt giữ và giao T và D về Công an phường Cô Giang, Quận 1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Theo bản Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 04/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 1, kết luận xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 59T1-745.** có giá 10.333.000 đồng (Bút lục 89-90).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1, Trương Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên phù hợp với tài liệu, chứng cứ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã thu thập được. Riêng Phạm Thùy D không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên với chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có cơ sở xác định D đồng phạm, cùng T thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự: 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 59T1-745.**, bị hại anh Võ Hồng Đ5 khai chiếc xe trên anh mượn của chị Nguyễn Thị C. Qua xác minh, xe do chị C đứng tên chủ sở hữu, chị C cũng khai nhận như trên, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 trả xe cho chị C; 01 xe gắn máy biển số 52Z9-75** Trương Văn T khai xe là tài sản của vợ là Nguyễn Thị Hồng A2, tuy nhiên qua xác minh địa chỉ do T cung cấp thì không tìm được chị Hồng A2, qua xác minh xe do anh Lưu Văn T1 đứng tên chủ sở hữu.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKSQ1 ngày 05 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trương Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và Phạm Thùy D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Trương Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Tuyên bố Phạm Thùy D phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo T từ 03 năm đến 04 năm tù, xử phạt bị cáo D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Về vật chứng của vụ án đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Trương Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố. Bị cáo D khai, T nhờ bị cáo đi dẫn xe và hứa cho tiền, bị cáo xác định biết rõ xe máy 59T1-745.** không phải là tài sản của Trương Văn T và do xe không có chìa khóa khởi động nên bị cáo phải dẫn bộ, thời điểm bị cáo dẫn xe máy đi thì T đứng cảnh giới quan sát xung quanh để D dẫn xe. Bị cáo khai trước đây không thừa nhận hành vi phạm tội do bị cáo không biết việc bị cáo làm là cùng với T trộm cắp tài sản. Quá trình xét xử bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thống nhất nội dung bản cáo trạng và đề nghị được giảm nhẹ hình phạt để sớm về đoàn tụ gia đình.

Anh Lưu Văn T1 có mặt tại phiên tòa xác định anh đứng tên sở hữu xe máy biển số 52Z9-75**, nhưng anh đã bán xe cho người khác và không rõ lai lịch về người mua xe đồng thời anh xác định không tranh chấp gì đối với xe máy biển số 52Z9-75**.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, Trương Văn T thừa nhận mình là người phát hiện bị hại có tài sản để sơ hở và quay về nhà rủ Phạm Thùy D đi trộm cắp và hứa sẽ cho

D tiền sau khi bán được tài sản. Đối với Phạm Thùy D, bị cáo xác định biết rõ chiếc xe máy Honda Wave biển số 59T1-745.** không phải là tài sản của Trương Văn T, xe không có chìa khóa để khởi động, T cảnh giới, quan sát xung quanh cho D dắt xe. Với các tài liệu chứng cứ mà Cơ quan cảnh sát điều tra thu thập được và sự thật khách quan của vụ án đủ cơ sở xác định bị cáo D đồng phạm trong vụ án. Từ đó đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 02 giờ 15 phút ngày 29/12/2018, tại Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, Quận 1, Trương Văn T và Phạm Thùy D đã có hành vi lén lún lấy trộm 01 xe gắn máy Honda Wave biển số 59T1-745.** của anh Võ Hồng Đ5, tài sản chiếm đoạt có giá 10.333.000 đồng. Đối với Trương Văn T, ngày 27/02/2012 bị Tòa án nhân dân Quận 9 xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 11/8/2012 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích. Đến ngày 03/01/2014 bị cáo phạm tội "Cướp giật tài sản" thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù, đến ngày 31/5/2017 chấp hành án xong, chưa được xóa án tích. Như vậy, hành vi lấy trộm tài sản của anh Võ Hồng Đ5 của bị cáo T đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và hành vi của bị cáo D đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh ở địa phương. Xét về tính chất mức độ tội phạm, Hội đồng xét xử nhận định: T với vai trò là chủ mưu, là người khởi xướng cho việc trộm cắp tài sản, bị cáo là đối tượng có nhiều tiền án, tiền sự, liên tục vi phạm pháp luật, từng phải chấp hành các bản án với hình phạt rất nghiêm khắc nhưng vẫn không lấy đó làm bài học cho bản thân mà sửa chữa sai lầm. Do đó cần có mức hình phạt thật tương xứng với mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, giáo dục và phòng chống tội phạm.

Đối với bị cáo D, trong giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận định việc bị cáo không nhận tội không phải do bị cáo ngoan cố, quanh co chối tội bởi khi trình bày các tình tiết liên quan trong vụ án từ giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử bị cáo vẫn thành khẩn khai báo nhưng do bản thân không biết chữ, không có kiến thức pháp luật nên bị cáo không nhận thức được việc bị cáo thực hiện là tội phạm. Do đó, khi quyết định hình phạt cho bị cáo Hội đồng xét xử áp dụng

nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác.

[5] Về xử lý vật chứng: Thu giữ 01 xe gắn máy biển số 52Z9-75** do anh Lưu Văn T1 đứng tên sở hữu. T khai chiếc xe trên do vợ T mua nhưng hiện không tìm được chị Nguyễn Thị Hồng A2. Do đó, tiếp tục đăng báo trong khoảng thời gian nhất định, nếu không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Phạm Thùy D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ vào điểm g Khoản 2 Điều 173; điểm h, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt: Trương Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 12 năm 2018. Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án ngày 03/5/2019.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt: Phạm Thùy D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 12 năm 2018. Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án ngày 03/5/2019.

- Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Giao cho Cơ quan thi hành án dân sự thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu đối với 01 xe gắn máy biển số 52Z9-75**, số khung RMMWCH6MM61613812, số máy VDP1P52FMH613815 do anh Lưu Văn T1 đứng tên sở hữu. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đăng thông báo nếu tìm được chủ sở hữu hợp pháp thì trả lại tài sản trên. Quá thời hạn này mà không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu tài sản trên để sung quỹ Nhà nước. (Theo phiếu nhập kho vật chứng số 28/19-PNK ngày 18/01/2019 của Công an Quận 1)

- Căn cứ vào Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Công an TP.HCM (PC 53 - Đ3);
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Công an Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Thi hành án hình sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VP - hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Nhật Minh